

CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CÔNG NGHIỆP THĂNG LONG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CÔNG NGHIỆP THĂNG LONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANG LONG INDUSTRIAL TECHNOLOGY DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: THANG LONG INDUS TECH DEV,.JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109636467

3. Ngày thành lập: 17/05/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

LK 11-26 Khu đô thị mới An Hưng, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0915180383

Fax:

Email: nguyenmanhcuong153@gmail.com Website: om

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng cây hàng năm khác	0119
2.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
3.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt (Không bao gồm kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật)	0161
4.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi (Không bao gồm kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật)	0162
5.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
6.	Khai thác gỗ Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm	0220
7.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm	0240
8.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm	0722
9.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm	0810
10.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
11.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
12.	Sản xuất linh kiện điện tử Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm	2610
13.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm	2620
14.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
15.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640

16.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại (Không hoạt động tại trụ sở)	2733
17.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng (Không hoạt động tại trụ sở)	2740
18.	Sản xuất đồ điện dân dụng (Không hoạt động tại trụ sở)	2750
19.	Sản xuất thiết bị điện khác Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm	2790
20.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
21.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
22.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
23.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
24.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
25.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
26.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
27.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (Không hoạt động tại trụ sở)	3320
28.	Sản xuất điện	3511
29.	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: - Bán điện cho người sử dụng (Doanh nghiệp không được thực hiện hoạt động truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và xây dựng, vận hành thủy điện đa mục tiêu, điện hoạt nhân)	3512
30.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
31.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
32.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
33.	Thu gom rác thải độc hại	3812
34.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
35.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
36.	Tái chế phế liệu Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm	3830
37.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm	3900
38.	Xây dựng nhà để ở	4101
39.	Xây dựng nhà không để ở	4102
40.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
41.	Xây dựng công trình đường bộ	4212

42.	Xây dựng công trình điện Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm và hoạt động độc quyền nhà nước	4221
43.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
44.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm và hoạt động độc quyền nhà nước	4223
45.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
46.	Xây dựng công trình thủy Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm và hoạt động độc quyền nhà nước	4291
47.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
48.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
49.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
50.	Phá dỡ Loại trừ: Hoạt động gây nổ bằng bom, mìn	4311
51.	Chuẩn bị mặt bằng Loại trừ: Hoạt động gây nổ bằng bom, mìn	4312
52.	Lắp đặt hệ thống điện (Không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4321(Chính)
53.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
54.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
55.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
56.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
57.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới mua bán hàng hóa. Loại trừ: Hoạt động đấu giá hàng hóa	4610
58.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm và hoạt động đấu giá	4651
59.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm và hoạt động đấu giá	4652
60.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm và hoạt động đấu giá	4653

61.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu. Loại trừ: Hoạt động đấu giá và hoạt động Nhà nước cấm	4659
62.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: - Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác; - Bán buôn dầu thô; - Thương nhân phân phối xăng dầu; - Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; - Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan. Loại trừ: Hoạt động đấu giá và hoạt động Nhà nước cấm	4661
63.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng và vàng nguyên liệu) Loại trừ: Hoạt động đấu giá và hoạt động Nhà nước cấm	4662
64.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Loại trừ: Hoạt động đấu giá và hoạt động Nhà nước cấm	4663
65.	Bán buôn tổng hợp (Trừ các ngành nghề Nhà nước cấm kinh doanh theo Luật Đầu tư 2020) Loại trừ: Hoạt động đấu giá và hoạt động Nhà nước cấm	4690
66.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
67.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
68.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Loại trừ: - Hoạt động Nhà nước cấm; - Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh.	4773

69.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; - Vận tải hành khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu.	4932
70.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
71.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Loại trừ: Hoạt động hàng không	5210
72.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
73.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ lĩnh vực hàng không, dân dụng)	5229
74.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm	6810
75.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Hoạt động kiến trúc; - Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác.	7110
76.	Quảng cáo Loại trừ: Hoạt động báo chí và hoạt động Nhà nước cấm	7310
77.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 2.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN QUANG SÁNG	402-A3 Vĩnh Hồ, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500.000	5.000.000.000	25,000	011957644	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	500.000	5.000.000.000	25,000		
2	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	Thôn Cao Lãm, Xã Cao Thành, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500.000	5.000.000.000	25,000	111785725	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	500.000	5.000.000.000	25,000		

3	LÊ MINH THẮNG	Thôn Bàu, Xã Kim Chung, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500.000	5.000.000.000	25,000	001076017553
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	500.000	5.000.000.000	25,000	
4	LÊ VĂN THẮNG	Số 24 Trần Tế Xương, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500.000	5.000.000.000	25,000	001070016027
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	500.000	5.000.000.000	25,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN MẠNH CUƯỜNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *18/03/1983*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *111785725*

Ngày cấp: *19/02/2011*

Nơi cấp: *Công an Thành phố Hà Nội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Cao Lãm, Xã Cao Thành, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Cao Lãm, Xã Cao Thành, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội